

Bản án số: 85/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 31-7-2024

V/v Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Phước Tâm.
- Bà Nguyễn Thị Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 về “*Tranh chấp hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1989 (có mặt).

Bị đơn: Trương Văn T, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 19/3/2024, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 31/5/2024 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Mỹ D là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ D và anh Trương Văn T qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2007.

Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc. Sau khi anh T đi làm ăn xa có phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó anh T không còn quan tâm đến gia đình, vợ con nên tình cảm chị D nhạt dần và cũng không còn niềm tin ở anh

T. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **D** yêu cầu được ly hôn với anh **T**.

- Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung tên **Trương Hải Đ**, sinh ngày 09/3/2007 và **Trương Đăng K**, sinh ngày 10/12/2011. Hiện hai con chung đang sống với chị **D**. Khi ly hôn, chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Mỹ D** và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, nuôi con, địa chỉ của bị đơn tại **xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Anh **Trương Văn T** là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **T** theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Sau thời gian tìm hiểu thì chị **D** và anh **T** tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 16 ngày 28/02/2007. Hôn nhân giữa chị **D** và anh **T** là tự nguyện và hợp pháp, phù hợp quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Theo chị **D** trình bày thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó anh **T** có quan hệ tình cảm với người khác dẫn đến chị **D** cũng không còn niềm tin và sự tôn trọng với anh **T**. Đồng thời, anh **T** cũng không còn quan tâm đến gia đình, vợ con. Do đó, chị **D** nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh **T**. Về phía anh **T** là bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết nội dung vụ án nhưng không phản đối, không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị **D**. Anh **T** cũng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không tham gia phiên hòa giải cũng như phiên tòa để vợ chồng có cơ hội hòa giải, hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị **D** và anh **T** là đã trầm trọng nhưng anh **T** lại không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Như vậy, mục đích hôn nhân giữa chị **D** và anh **T** đã không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **D** đối với anh **T**.

[4] Về nuôi con: Căn cứ vào lời trình bày của chị **D** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định chị **D** và anh **T** có 02 con chung là **Trương**

Hải Đ, sinh ngày 09/3/2007 và **Trương Đăng K**, sinh ngày 10/12/2011. Hiện nay chị **D** đang nuôi dưỡng hai con chung. Khi ly hôn, chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu **Đ** và cháu **K** đều đang sống với chị **D**. Đồng thời, tại Văn bản ý kiến ngày 17/6/2024, cháu **Đ** và cháu **K** đều có nguyện vọng sống với chị **D**. Do đó, việc chị **D** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu **Đ** và **K** là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Trường hợp được tiếp tục nuôi cháu **Đ** và cháu **K**, chị **D** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết. Trường hợp chị **D** có yêu cầu về cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[5] Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Chị **D** trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị **D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **D** đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 8, 9, 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D** được ly hôn với anh **Trương Văn T**.

2. Về nuôi con: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D** được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung tên **Trương Hải Đ**, sinh ngày 09/3/2007 và **Trương Đăng K**, sinh ngày 10/12/2011. Anh **Trương Văn T** không phải cấp dưỡng nuôi con do chị **Nguyễn Thị Mỹ D** không yêu cầu.

Anh **Trương Văn T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản khi ly hôn và nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Nguyễn Thị Mỹ D** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị **Nguyễn Thị Mỹ D** đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008439 ngày 02/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CCTHADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã Ba Sao;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Phương Thảo